

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HSST
Ngày: 20-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Vũ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lò Thị Thu Hương;

Bà Lưu Thị Quế.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa:
Ông Lò Văn Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Sùng A C, tên gọi khác Sùng A C; sinh năm 1985 tại xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Sùng A G (Sùng Bla G) (đã chết) và con bà Giàng Thị D, sinh năm 1951; có vợ Mùa Thị M, sinh năm 1980 và 05 con (chết 1); tiền án, tiền sự không; bị bắt tạm giữ từ ngày 20-10-2017 đến ngày 22-10-2017 thì bỏ trốn, bắt tạm giam ngày 01-11-2017; “Có mặt”.

2. Sùng Thị Ph, tên gọi khác Sùng Thị Ph; sinh năm 1989 tại xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Sùng A L, sinh năm 1964 và bà Thào Thị M (đã chết); có chồng là Lý A S, sinh năm 1984 và 03 con; tiền án, tiền sự không; bị bắt tạm giam ngày 23-10-2017, “Có mặt”.

- Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Đinh Gia Huê - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

- *Người có quyền lợi liên quan*: Chị Mùa Thị M, sinh năm 1980; trú tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái “Có mặt”.

- *Người tham gia tố tụng khác*:

+ Người làm chứng: Vàng Thị D, sinh năm 2001; trú tại Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái, “Vắng mặt”.

+ Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Giàng A Câu - Cán bộ Công an huyện T, tỉnh Yên Bái; “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 19/10/2017, Sòng A C chở Vàng Thị D từ xã B đến thôn T, xã T, huyện T để lấy quần áo, do trời mưa to, đường vào thôn bị sạt không đi được, C và D ngủ nhờ qua đêm tại nhà Sùng Thị Ph. Đến sáng ngày 20/10/2017, C nhờ Ph mua hộ Hêrôin để sử dụng, nên Ph đã gọi điện thoại cho một người tên là Chur ở xã T, huyện V hỏi có Hêrôin không, nhưng Chur trả lời là không bán, Ph đã nhờ Chur hỏi giúp, một lúc sau thì Ph nhận điện thoại của một người đàn ông lạ giới thiệu là người Mông ở Mù Cang Chải nói là Chur cho số điện thoại và hỏi Ph mua bao nhiêu, lúc này C đứng cạnh Ph hỏi giá bao nhiêu một chỉ, người đó trả lời là 2.000.000 đồng, C bảo Ph mua khoảng 8.000.000 đồng, nói xong hẹn nhau tại thị xã Nghĩa Lộ giao tiền và lấy Hêrôin. Sau khi trao đổi điện thoại xong Ph nói với C là đi thị xã Nghĩa Lộ, khi về không có xe, lúc đó C có hứa là sẽ cho Ph 100.000 đồng để bắt xe ôm về. Sau đó C, D và Ph cả ba người đi xe mô tô BKS: 21H1- 01842 của C từ thôn Háng Tàu đến thị xã Nghĩa Lộ, trên đường đi đến ngã ba Bản Đêu thì để D ở lại đó còn C và Ph tiếp tục đi, khi đến bến xe thị xã Nghĩa Lộ, C đưa cho Ph 8.000.000 đồng rồi C quay về ngã tư Ngân hàng thị xã Nghĩa Lộ đợi, còn Ph tiếp tục đi bộ đến khu chợ thị xã Nghĩa Lộ, đang đi trên đường thì có một người gọi điện thoại cho Ph, nói là người mà Ph hẹn mua Hêrôin; Ph và người đàn ông lạ mặt gặp nhau ở gần Cửa hàng xe máy Tiến Cường thị xã Nghĩa Lộ, sau đó người đàn ông này chở Ph đến đầu đường từ chân dốc đỏ thị xã Nghĩa Lộ rẽ ra đường tránh mới; tại đây Ph đưa 8.000.000 đồng để mua cục Hêrôin của người đàn ông lạ mặt, sau khi đưa tiền Ph xin lại 100.000 đồng. Sau khi lấy được Hêrôin Ph quay lại ngã tư Ngân hàng thị xã Nghĩa Lộ, đưa Hêrôin cho C rồi quay lại đi chợ tiếp, còn C sau khi nhận được Hêrôin đã đi lên Bản Đêu đón Vàng Thị D để về xã Bản Mù, huyện Trạm Tấu khi đến khu vực xã Phúc Sơn, huyện Văn Chấn, C dừng xe đi vệ sinh, sau đó C lấy Hêrôin ra sử dụng rồi bẻ cục Hêrôin ra làm hai phần, phần nhỏ cho vào bao thuốc lá Thăng Long để ở túi áo ngực, số Hêrôin còn lại C cho vào trong lớp xộp của mũ bảo hiểm xe máy rồi đi về. Khoảng 11 giờ 50 phút cùng ngày C về đến khu vực thôn Đầu Cầu, xã Xà Hồ, huyện Trạm Tấu thì bị Công an huyện Trạm Tấu bắt giữ, thu giữ toàn bộ số Hêrôin C đã mua.

Sau khi bị bắt giữ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trại Tàu đã ra quyết định tạm giữ số: 30 ngày 20/10/2017, kể từ 16 giờ 00 phút ngày 20/10/2017 đến 16 giờ 00 phút ngày 23/10/2017 đối với Sòng A C về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Vào khoảng thời gian từ 02 giờ 35 phút đến 02 giờ 40 phút ngày 22/10/2017, lợi dụng lúc cán bộ trực gác mất cảnh giác, khóa số 8 còng bên tay trái bị lỏng, C đã rút tay ra khỏi khóa rồi bỏ trốn về xã Bản Mù. Đến ngày 01/11/2017 Sòng A C đã đến Công an huyện Trại Tàu đầu thú.

Tại bản kết luận giám định số: 205 ngày 27 tháng 10 năm 2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái kết luận:

1. Chất bột nén màu trắng thu giữ của Sòng A C có tổng trọng lượng là 0,7 gam (*không thấy bảy gam*) chất bột nén gửi giám định có chất ma túy; loại Heroine.

2. Chất bột nén màu trắng thu giữ của Sòng A C có tổng trọng lượng là 15 gam (*mười lăm gam*) chất bột nén gửi giám định có chất ma túy; loại Heroine.

Cáo trạng số: 04/KSĐT-MT ngày 07 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trại Tàu, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Sòng A C và bị cáo Sùng Thị Ph về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Sòng A C bị truy tố thêm tội “*Trốn khỏi nơi giữ*”, theo khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Sòng A C và bị cáo Sùng Thị Ph thành khẩn khai báo, khai nhận hành vi phạm tội.

Người có quyền lợi liên quan Mùa Thị M trình bày chiếc xe mô tô loại xe nam, nhãn hiệu YAMAHA, BKS 21H1-01842 xe đã qua sử dụng, cơ quan điều tra đã tạm giữ là tài sản chung của cả gia đình, C sử dụng xe để đi mua ma túy chị không biết, nên chị M xin được nhận lại chiếc xe này để gia đình sử dụng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trại Tàu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Sòng A C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Trốn khỏi nơi giữ*”; bị cáo Sùng Thị Ph phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sòng A C từ 06 (*sáu*) năm đến 07 (*bảy*) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sòng A C từ 09 (*chín*) tháng đến 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng tù về tội “*Trốn khỏi nơi giữ*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội Sòng A C phải chịu hình phạt chung của cả hai tội từ 06 (*sáu*) năm 09 (*chín*) tháng đến 08 năm 03 (*ba*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 01-11-2017 được trừ hai ngày tạm giữ.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sùng Thị Ph từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 23-10-2017.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 15,36 gam Hêrôin để trong 01 phong bì thư do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành, đã được niêm phong; 04 (bốn) vỏ phong bì thư niêm phong vật chứng sau khi đã mở niêm phong; mảnh giấy gói; mảnh nilon màu đen; mảnh nilon màu trắng và 01 bao thuốc lá Thăng Long bên trong có 17 điếu; 01 mũ bảo hiểm đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01(một) chiếc điện thoại màu đen, viền vàng đồng, nhãn hiệu Masstel số IMEI 351670090110805 đã cũ, qua sử dụng, bên trong chiếc điện thoại có chứa hai sim, sim thứ nhất có số seri cuối là 54134, sim thứ hai có số seri cuối là 1913 và 01 chiếc điện thoại màu đen, nhãn hiệu Macstel - 1400, máy đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong chiếc điện thoại có chứa ba sim điện thoại, trong đó sim thứ nhất có số seri cuối là 77743, sim thứ hai có số seri cuối là 20231, sim thứ ba có số seri cuối là 16184.

+ Trả lại cho Sông A C: 38.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam để trong một phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành và 01 giấy phép lái xe mang tên Sông A C.

+ Trả lại cho Sùng Thị Ph: Số tiền 3.650.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để trong một phong bì thư niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành và 01 chiếc túi vải màu xanh đen, có dây đeo màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho Mùa Thị M 01 (một) chiếc xe mô tô màu sơn đỏ đen, nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 21H1-018.42 xe cũ, đã qua sử dụng cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Sông A C.

- Đối với Vàng Thị D là người đi cùng Sông A C, nhưng D không biết việc C Tàng trữ trái phép chất ma túy nên D không phạm tội.

- Đối với người phụ nữ tên Chư và người đàn ông dân tộc Mông là người Ph khai đã liên lạc và bán Hêrôin cho Ph. Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

- Các bị cáo và người có quyền lợi liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, các bị cáo sau khi phạm tội thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; nguyên nhân động cơ phạm tội của C là nghiện ma túy, muốn có ma túy để sử dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Sông A C phạm tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy” và tội “Trốn khỏi nơi giữ”; bị cáo Sùng Thị Ph phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sùng A C từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 386, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Sùng A C từ 06 (sáu) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giữ”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội Sùng A C phải chịu từ 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng đến 08 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 01-11-2017 được trừ hai ngày tạm giữ.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Sùng Thị Ph từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 23-10-2017.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

- Về vật chứng và tài sản bị tạm giữ: Nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên.

- Các bị cáo và người có quyền lợi liên quan không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo Sùng A C và bị cáo Sùng Thị Ph: Đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để sớm được trở về với gia đình và hòa nhập với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Sùng A C do thường xuyên sử dụng ma túy nên sáng ngày 20/10/2017 đã nhờ Ph đi mua hộ ma túy và hứa sau khi mua được C sẽ cho Ph 100.000 đồng; tại khu vực bến xe thị xã Nghĩa Lộ, C đã đưa cho Ph 8.000.000 đồng, sau đó Ph đi mua ma túy (Hêrôin) của một người đàn ông dân tộc Mông hết 7.900.000 đồng và đem ma

túy đến khu vực đèn xanh, đèn đỏ ở ngã tư Ngân hàng thị xã Nghĩa Lộ đưa cho C. Sau khi nhận được Hêrôin C đã đi về xã Bản Mù, huyện Trạm Tấu; đến 11 giờ 50 phút cùng ngày, C về đến thôn Đầu Cầu, xã Xà Hồ, huyện Trạm Tấu thì bị Công an huyện Trạm Tấu bắt giữ người và ma túy.

Sau khi bị bắt, Sòng A C bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trạm Tấu ra quyết định tạm giữ số: 30 ngày 20/10/2017, kể từ 16 giờ 00 phút ngày 20/10/2017 đến 16 giờ 00 phút, ngày 23/10/2017. Vào khoảng thời gian từ 02 giờ 35 phút đến 02 giờ 40 phút ngày 22/10/2017, lợi dụng lúc cán bộ trực gác mất cảnh giác, khóa số 8, còng bên tay trái bị lỏng C đã rút tay ra khỏi khóa rồi bỏ trốn. Đến ngày 01/11/2017 Sòng A C đã đến Công an huyện Trạm Tấu đầu thú.

[3] Hành vi mua, bán hộ ma túy của Ph là hành vi mua bán trái phép chất ma túy bởi: Trước khi mua hộ ma túy, C đã hứa sau khi mua được ma túy C sẽ cho Ph 100.000 đồng, hơn nữa trong quá trình mua ma túy của người đàn ông dân tộc Mông, Ph được người đàn ông này đưa lại cho 100.000 đồng. Như vậy, Ph là người nhận tiền từ C và trao ma túy cho C; trước và trong khi mua bán Ph được hứa cho tiền và có lợi nhuận từ việc mua bán ma túy. Cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, kết tội bị cáo Ph về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là chưa phù hợp mà cần xét xử Ph về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, như đã phân tích ở trên.

[4] Bị cáo Ph và bị cáo C là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm luật hình sự và biết được tác hại của ma túy đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội. Bị cáo Ph do vụ lợi nên đã cố ý thực hiện, nhằm mục đích thu lời bất chính; bị cáo C cố ý thực hiện, nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân.

[5] Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép mà các bị cáo thực hiện đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

Hành vi mua bán 15,7 gam Hêrôin của Ph và tàng trữ 15,7 gam Hêrôin của C, về khối lượng đã trên 5 gam, nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung theo khoản 2 của tội mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy.

[6] Từ những nhận định trên đã có đủ căn cứ để khẳng định hành vi của bị cáo Ph thực hiện đã phạm vào tội "*mua bán trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo C phạm tội "*tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, Sòng A C bỏ trốn khi đang bị tạm giữ tại Công an huyện Trạm Tấu. Bị cáo C là người đang bị tạm giữ hình sự, bị cáo nhận thức được việc trốn khỏi nơi giữ là xâm phạm đến chế độ tạm giữ trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự; trực tiếp xâm phạm đến hoạt

động Tư pháp, nhưng bị cáo vẫn cố ý trốn khỏi nơi giữ nhằm trốn tránh pháp luật. Như vậy, hành vi bỏ trốn khi đang bị tạm giữ tại Công an huyện Tràm Tấn, bị cáo C thực hiện đã phạm vào tội “*Trốn khỏi nơi giữ*” quy định tại khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và trốn khỏi nơi giữ của C thực hiện trước 00 giờ ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực), nhưng mức hình phạt của hai tội này trong Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn mức hình phạt của hai tội tương ứng trong Bộ luật Hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, để xét xử bị cáo C về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và tội trốn khỏi nơi giữ của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận đầy đủ, rõ ràng về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Thành khẩn khai báo*”. Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ cho cả hai bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo C trốn khỏi nơi giữ nhưng sau đó bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo C khi quyết định hình phạt về tội trốn khỏi nơi giữ.

[10] Về nhân thân: Bị cáo Sòng A C chưa có tiền án, tiền sự nhưng là người thường xuyên sử dụng ma túy; bị cáo Sùng Thị Ph chưa có tiền án, tiền sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[11] Từ những đánh giá về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo như đã phân tích ở trên, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới đủ điều kiện giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung. Trong tội về ma túy, bị cáo Ph phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo C, vì tội mua bán trái phép chất ma túy có mức hình phạt cao hơn tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

[12] Tại các biên bản xác minh về tài sản cũng như tại phiên tòa xác định: Gia đình các bị cáo không có tài sản gì lớn, các bị cáo không có tài sản riêng. Sòng A C chung sống cùng gia đình bố mẹ vợ; gia đình Sùng Thị Ph thuộc hộ nghèo của xã. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

Đối với: 15,36 gam Hêrôin để trong 01 phong bì thư do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành, đã được niêm phong. Đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành, nên cần tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 04 (*bốn*) vỏ phong bì thư niêm phong vật chứng sau khi đã mở niêm phong; mảnh giấy gói; mảnh nilon màu đen; mảnh nilon màu trắng; 01 bao thuốc lá Thăng Long bên trong có 17 điếu và 01 mũ bảo hiểm đã cũ, đã qua sử

dụng. Đây là vật không sử dụng được, nên cần tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 01(một) chiếc điện thoại màu đen, viền vàng đồng, nhãn hiệu Masstel số IMEI 351670090110805 đã cũ, qua sử dụng, bên trong chiếc điện thoại có chứa hai sim, sim thứ nhất có số seri cuối là 54134, sim thứ hai có số seri cuối là 1913 và 01 chiếc điện thoại màu đen, nhãn hiệu Macstel - 1400, máy đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong chiếc điện thoại có chứa ba sim điện thoại, trong đó sim thứ nhất có số seri cuối là 77743, sim thứ hai có số seri cuối là 20231, sim thứ ba có số seri cuối là 16184. Đây là phương tiện để các bị cáo liên lạc trong quá trình phạm tội, nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với: 38.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam để trong một phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành và 01 giấy phép lái xe mang tên Sông A C, thu giữ của Sông A C. Số tiền 3.650.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để trong một phong bì thư niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành và 01 chiếc túi vải màu xanh đen, có dây đeo màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng, thu giữ của Sùng Thị Ph. Những tài sản này không liên quan đến tội phạm, nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với: 01 (một) chiếc xe mô tô màu sơn đỏ đen, nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 21H1-018.42 xe cũ, đã qua sử dụng cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Sông A C. Đây là tài sản và giấy tờ đi liền với tài sản, được xác định là tài sản chung của vợ chồng bị cáo C, việc bị cáo sử dụng xe máy làm phương tiện phạm tội, vợ bị cáo không biết, không có lỗi. Nên trả tài sản cho gia đình bị cáo, cụ thể là trả cho vợ bị cáo C là Mùa Thị M, theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình mua bán trái phép chất ma túy Ph được hưởng lợi 100.000 đồng, nên cần truy thu số tiền này để nộp quỹ Nhà nước, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngày 20-10-2017, Cơ quan điều tra Công an huyện T còn tạm giữ của Vàng Thị D 02 chiếc điện thoại; 01 chiếc ví màu đỏ có dây đeo đã cũ, đã qua sử dụng, trong quá trình điều tra Công an huyện T xác định số tài sản này không liên quan đến việc phạm tội nên đã trả lại cho Vàng Thị D (BL 88) là đúng quy định của pháp luật.

[15] Về án phí và các vấn đề khác:

- Đối với Vàng Thị D là người đi cùng Sông A C, nhưng D không biết việc C Tàng trữ trái phép chất ma túy nên D không phạm tội.

- Đối với Người phụ nữ tên Chư và người đàn ông dân tộc Mông là người Ph khai đã liên lạc và bán Hêrôin cho Ph. Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

[16] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo và người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Sùng Thị Ph, tên gọi khác Sùng thị Ph phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Tuyên bố bị cáo Sùng A C, tên gọi khác Sùng A C phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Trốn khỏi nơi giữ*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Sùng Thị Ph 08 (*tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 23-10-2017.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Sùng A C 06 (*sáu*) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 368; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Sùng A C 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Trốn khỏi nơi giữ*”.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Sùng A C phải chịu hình phạt chung của cả hai tội là 06 (*sáu*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 01-11-2017, được trừ hai ngày tạm giữ.

3. Về vật chứng của vụ án và tài sản bị tạm giữ: Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy: 15,36 gam Hêrôin để trong 01 phong bì thư do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành, đã được niêm phong; 04 (*bốn*) vỏ phong bì thư niêm phong vật chứng sau khi đã mở niêm phong; mảnh giấy gói; mảnh nilon màu đen; mảnh nilon màu trắng; 01 bao thuốc lá Thăng Long bên trong có 17 điếu và 01 mũ bảo hiểm đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01(*một*) chiếc điện thoại màu đen, viền vàng đồng, nhãn hiệu Masstel số IMEI 351670090110805 đã cũ, qua sử dụng, bên trong chiếc điện thoại có chứa hai sim, sim thứ nhất có số seri cuối là 54134, sim thứ hai có số seri cuối là 1913 và 01 chiếc điện thoại màu đen, nhãn hiệu Macstel - 1400, máy đã cũ, đã qua sử dụng, bên trong chiếc điện thoại có chứa ba sim điện thoại, trong đó sim thứ nhất có số seri cuối là 77743, sim thứ hai có số seri cuối là 20231, sim thứ ba có số seri cuối là 16184.

+ Trả lại cho Sông A C: 38.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam để trong một phong bì thư do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành và 01 giấy phép lái xe mang tên Sông A C.

+ Trả lại cho Sùng Thị Ph: Số tiền 3.650.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để trong một phong bì thư niêm phong do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái phát hành và 01 chiếc túi vải màu xanh đen, có dây đeo màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho Mùa Thị M 01 (một) chiếc xe mô tô màu sơn đỏ đen, nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 21H1-018.42 xe cũ, đã qua sử dụng cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Sông A C.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu.

+ Truy thu của Sùng Thị Ph 100.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bị cáo Ph chưa thi hành khoản tiền truy thu nêu trên thì hàng tháng bị cáo phải chịu tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Sông A C và Sùng Thị Ph mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 20-4-2018.

+ Người có quyền lợi liên quan Mùa Thị M có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 20-4-2018.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã Bản Mù và xã Túc Đán (TB);
- Các bị cáo;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Trại tạm giam;
- Chi cục thuế Trạm Tàu;
- THA hình sự;
- Sở tư pháp;
- Lưu HS (2).

Vũ Xuân